

Số: 1425/TB-ĐHLN-ĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

V/v điểm nhận hồ sơ xét tuyển trình độ đại học hệ chính quy theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT 2021

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non; và Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành tại Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án tuyển sinh số 370/ĐA-ĐHLN-ĐT ngày 22/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp; Đề án tuyển sinh số 01/ĐATS-PHĐHLN-ĐT ngày 05/01/2021 của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai; và Đề án tuyển sinh số 23/ĐA-PHĐHLN-ĐT ngày 26/3/2021 của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai.

Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học chính quy theo phương thức xét tuyển điểm thi THPT năm 2021, cụ thể như sau:

1. Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với thí sinh đăng ký học tại Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội (mã trường LNH).

TT	Khối ngành/Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm xét tuyển
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH			
1	Quản lý tài nguyên thiên nhiên* - chương trình tiên tiến: đào tạo bằng tiếng Anh theo chương trình của Trường Đại học tổng hợp Bang Colorado - Hoa Kỳ.	7908532A	D01, D07, B08, D10	15,0
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG VIỆT			
I.	Khối ngành Công nghệ , Kỹ thuật và Công nghệ thông tin			
1	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	7480104	A00; A01; A16; D01	15,0
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00; A01; A16; D01	15,0
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	A00; A01; A16; D01	15,0
4	Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ chế tạo máy)	7520103	A00; A01; A16; D01	15,0
5	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật công trình xây dựng)	7580201	A00; A01; A16; D01	15,0



TT	Khối ngành/Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm xét tuyển
II. Khối ngành Kinh doanh, Quản lý và Dịch vụ xã hội				
6	Kế toán	7340301	A00; A16; C15; D01	15,0
7	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; A16; C15; D01	15,0
8	Kinh tế	7310101	A00; A16; C15; D01	15,0
9	Bất động sản	7340116	A00; A16; C15; D01	15,0
10	Công tác xã hội	7760101	A00; C00; C15; D01	15,0
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00; C00; C15; D01	15,0
III. Khối ngành Lâm nghiệp				
12	Quản lý tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	7620211	A00; B00; C15; D01	15,0
13	Lâm sinh	7620205	A00; A16; B00; D01	15,0
14	Lâm học	7620201	A00; A16; B00; D01	15,0
IV. Khối ngành Tài nguyên, Môi trường và Du lịch sinh thái				
15	Quản lý tài nguyên và Môi trường	7850101	A00; A16; B00; D01	15,0
16	Khoa học môi trường	7440301	A00; A16; B00; D01	15,0
17	Quản lý đất đai	7850103	A00; A16; B00; D01	15,0
18	Du lịch sinh thái	7850104	B00; C00; C15; D01	15,0
V. Khối ngành Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng				
19	Công nghệ sinh học	7420201	A00; A16; B00; B08	15,0
20	Thú y	7640101	A00; A16; B00; B08	15,0
21	Khoa học cây trồng (Nông học, Trồng trọt)	7620110	A00; A16; B00; D01	15,0
VI. Nhóm ngành Công nghệ chế biến lâm sản và Thiết kế nội thất				
22	Thiết kế nội thất	7580108	A00; C15; D01; H00	15,0
23	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ và quản lý sản xuất)	7549001	A00; A16; D01; D07	15,0
VII. Khối ngành Kiến trúc và cảnh quan				
24	Lâm nghiệp đô thị (Cây xanh đô thị)	7620202	A00; A16; B00; D01	15,0
25	Kiến trúc cảnh quan	7580102	A00; D01; C15; V01	15,0

2. Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với thí sinh đăng ký học tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai (mã trường LNS).

TT	Tên ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm xét tuyển
1	Bảo vệ thực vật	7620112	A00, B00, A01, D01	15,0
2	Công nghệ Chế biến lâm sản	7549001	A00, B00, A01, D01	15,0
3	Công nghệ sinh học	7420201	A00, B00, A01, D01	15,0
4	Du lịch sinh thái	7850104	A00, B00, A01, D01	15,0

5	Kế toán	7340301	A00, A01, C15, D01	15,0
6	Khoa học cây trồng	7620110	A00, B00, A01, D01	15,0
7	Lâm sinh	7620205	A00, B00, A01, D01	15,0
8	Quản lý tài nguyên & môi trường	7850101	A00, B00, A01, D01	15,0
9	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	A00, B00, A01, D01	15,0
10	Quản lý đất đai	7850103	A00, B00, A01, D01	15,0
11	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C15, D01	15,0
12	Thiết kế nội thất	7580108	A00, B00, A01, D01	15,0
13	Thú y	7640101	A00, B00, A01, D01	15,0

3. Điểm trúng tuyển đối với thí sinh đăng ký học tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Gia Lai (mã trường LNA).

TT	Tên ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm xét tuyển
1	Kế toán	7340301	A00; B00; C15; D01	15,0
2	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; B00; C15; D01	15,0
3	Lâm sinh	7620205	A00; A01; B00; D01	15,0
4	Quản lý tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	7620211	A00; A01; B00; D01	15,0
5	Thú y	7640101	A00; A01; B00; D01	15,0
6	Khoa học cây trồng	7620110	A00; A01; B00; D01	15,0
7	Bảo vệ thực vật	7620112	A00; A01; B00; D01	15,0
8	Quản lý đất đai	7850103	A00; A01; B00; D01	15,0

Ghi chú: Tổ hợp môn theo các khối xét tuyển: A00. Toán, Lí, Hóa; A01. Toán, Lí, Anh; A16. Toán, Khoa học TN, Văn; B00. Toán, Sinh, Hóa; B08. Toán, Sinh, Anh; C00. Văn, Sử, Địa; C15. Toán, Văn, Khoa học XH; D01. Toán, Văn, Anh; D07. Toán, Hóa, Anh; D10. Toán, Địa, Anh; H00. Văn, Năng khiếu vẽ NT1, Năng khiếu vẽ NT2; V01. Toán, Văn, Vẽ Mỹ thuật.

4. Thông tin liên hệ

- Phòng Đào tạo, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Website: <http://tuyensinh.vnuf.edu.vn>. Email: daotao@vnuf.edu.vn.
- Điện thoại trực tuyến sinh: 02433.840.707.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch HĐT;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Ban Thanh tra tuyển sinh ĐH;
- Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai, Gia Lai;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS



GS.TS. Trần Văn Chứ